

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Thúc

2. Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 145/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Ngô T, sinh năm: 1975; địa chỉ cư trú: Số 105 đường T, tổ 78, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; *có mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1975; địa chỉ cư trú: Số 105 đường T, tổ 78, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/202, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị Ngô T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Ngô Văn T kết hôn với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2003, quyển số 01 ngày 07/10/2003), hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại quận T, thành phố Đà Nẵng đến năm 2018 thì chuyển về sống tại phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T sống ích kỷ, lười biếng, có tính sỹ diện nên dẫn đến bất đồng quan điểm giữa hai vợ chồng. Bà đã nhiều lần làm đơn ly hôn, sau đó rút đơn để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 5/2022 đến nay bà và ông T mặc dù sống chung một nhà nhưng không trực tiếp nói chuyện với nhau. Ba năm nay, vợ chồng bà không ngủ chung với nhau, tiền bạc của ai thì người đó giữ, không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông Ngô Văn T.

- *Về con chung:* Bà T xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Ngô Dương Ngọc T, sinh ngày 15/8/2003 và Ngô Dương Ngọc Tr, sinh ngày 27/01/2007. Ly hôn bà có nguyện vọng được nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Dương Ngọc Tr cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Ngô Dương Ngọc T đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà T xác nhận không có.

* *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Ngô Văn T trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà Dương Thị Ngô T về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng ông bà đôi lúc cũng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do áp lực kinh tế, vợ chồng lời qua tiếng lại. Tuy nhiên, theo ông những mâu thuẫn đó chưa đến mức trầm trọng, nên ông không đồng ý ly hôn. Ông đề nghị Tòa án cho thời gian để ông bà hòa giải.

- *Về con chung*: Ông xác nhận vợ chồng có 02 con chung như bà T trình bày. Trường hợp, Tòa án xử cho ly hôn thì ông đồng ý với yêu cầu của bà T về việc nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Vì không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến.

- *Về nợ chung*: Vì không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa*:

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải lần hai, không tham gia phiên tòa.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Ngô T. Xử cho bà Dương Thị Ngô T được ly hôn ông Ngô Văn T.

+ Về quan hệ con chung: Giao cháu Ngô Dương Ngọc Tr, sinh ngày 27/01/2007 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Ngô Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, ông T không có ý kiến.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Dương Thị Ngô T khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Ngô Văn T trú tại tổ 78, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Dương Thị Ngô T và ông Ngô Văn T kết hôn với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2003, quyển số 01 ngày 07/10/2003). Hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp. Theo bà T, sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, năm 2012 bà đã làm đơn ly hôn nhưng không gửi, đến năm 2018 vợ chồng cùng nhất trí thuận tình ly hôn và cùng ký đơn gửi Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng, sau đó được hòa giải nên rút đơn ly hôn. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn nên năm 2020 bà tiếp tục làm đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ nhưng sau đó bà rút đơn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông T sống ích kỷ, lười biếng, mọi việc trong gia đình đều do một mình bà đảm đương. Đồng thời, ông T có tính sỹ diện nên dẫn đến bất đồng quan điểm giữa hai vợ chồng. Bà và ông T cùng sống chung một nhà nhưng không nói chuyện với nhau, năm 2020 thì chỉ những việc gì liên quan đến con thì mới trao đổi với nhau, còn cuộc sống cá nhân của bà và ông T thì không ai quan tâm đến ai. Từ tháng 5/2022 đến nay bà và ông T mặc dù sống chung một nhà nhưng không trực tiếp nói chuyện với nhau kể cả vấn đề của con, gia đình bà lập nhóm Zalo gồm bà, ông T và 02 con, có vấn đề gì cần trao đổi thì nhắn tin lên nhóm. Ba năm nay, vợ chồng bà không ngủ chung với nhau, tiền bạc của ai thì người đó giữ, không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông Ngô Văn T. Còn ông T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, có thể khắc phục được, nay bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên toà cho thấy trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không

hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Bà T đã nhiều lần làm đơn ly hôn, thậm chí ông T và bà T cùng thuận tình ly hôn, sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, hiện nay tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T vẫn không cải thiện được, vợ chồng không nói chuyện với nhau, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù, ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông T cũng không đưa ra được những giải pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân rạn nứt của vợ chồng. Do vậy, cho bà T được ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Bà T và ông T xác nhận ông bà có 02 con chung là Ngô Dương Ngọc T, sinh ngày 15/8/2003 và Ngô Dương Ngọc Tr, sinh ngày 27/01/2007. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Ngô Dương Ngọc Tr cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Ngô Dương Ngọc T đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Ông T đồng ý với yêu cầu của bà T. Đồng thời, cháu Ngọc Tr cũng có nguyện vọng được sống chung với bà T. Do vậy, giao con Ngô Dương Ngọc Tr cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Do bà Tâm không yêu cầu ông Thọ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà T xác nhận không có, ông T không có ý kiến.

[3] *Về án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Dương Thị Ngô T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình;
- Các điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị Ngô T được ly hôn ông Ngô Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Ngô Dương Ngọc Tr, sinh ngày 27/01/2007 cho bà Dương Thị Ngô T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Ngô Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung hai bên đều có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, ông T không có ý kiến.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Dương Thị Ngô T phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số số 0000651 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Dương Thị Ngô T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Dương Thị Ngô T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn ông Ngô Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp Đà Nẵng;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục thi hành án;
- UBND thị trấn A;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Lệ Hằng

